

Số: /2025/QĐ-UBND Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và
Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 30/2016/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 8 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12/TTr-SNN&MT ngày 14 tháng 7 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Trung tâm Nước sạch nông thôn tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Sở), giúp Giám đốc Sở tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm, tổ chức, quản lý thực hiện các chương trình, kế hoạch về các dự án, loại hình công trình cấp nước sạch sinh hoạt và tổ chức sản xuất nước sạch, khai thác và sử dụng và quản lý hiệu quả các công trình cấp nước sạch thôn, phục vụ người dân vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở theo quy định của pháp luật. Đồng thời, chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Giám đốc Sở về chính sách, chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn, 05 năm, trung hạn và hàng năm về nước sạch nông thôn; phương thức quản lý, mô hình quản lý cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn; quản lý, bảo vệ, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao.

3. Tổ chức thi công xây lắp, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp mở rộng, lắp đặt đồng hồ các công trình nước sạch nông thôn phù hợp với năng lực của Trung tâm theo quy định pháp luật và hướng dẫn người sử dụng vận hành, sửa chữa đảm bảo tính bền vững của công trình.

4. Là chủ đầu tư các dự án từ nguồn thu hợp pháp để lại của đơn vị; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; sử dụng quỹ để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, mở rộng trạm cấp nước và cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp. Làm chủ đầu tư chương trình, dự án cấp nước sạch nông thôn nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn tài trợ quốc tế khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Xét nghiệm, kiểm nghiệm; kiểm định và phân tích (theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước) về chất lượng nước theo quy chuẩn, dự báo chất lượng nước các công trình nước sạch, thực hiện cấp nước an toàn theo Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn.

6. Lập vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Thăm dò, khai thác, lập hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường, tài nguyên nước (thăm dò khai thác nước dưới đất, khai thác sử dụng tài nguyên nước mặt, nước dưới đất).

8. Thực hiện hợp tác quốc tế, chuyển giao tiên bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chuyên đổi số, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, theo dõi, đánh giá, tổng hợp, báo cáo và đề xuất về cung cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh.

10. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức và người lao động thuộc Trung tâm. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về nước sạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu phù hợp với năng lực chuyên môn của Trung tâm. Tư vấn, dịch vụ; liên doanh, liên kết cung ứng dịch vụ công; tiếp nhận tài trợ thiết bị, vật tư, sản phẩm, công nghệ về nước sạch nông thôn phù hợp với năng lực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động hướng dẫn người dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương theo quy định của pháp luật.

12. Được tuyển lao động hợp đồng thực hiện các dịch vụ, tư vấn thiết kế, kỹ thuật, thi công xây dựng công trình. Trung tâm trả lương cho người lao động hợp đồng theo quy định hiện hành,... hoặc theo thỏa thuận.

13. Tổ chức thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; quản lý tổ chức, biên chế, vị trí việc làm, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao theo phân cấp của Giám đốc Sở và quy định của pháp luật.

14. Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động của Trung tâm theo yêu cầu của Sở.

15. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm, Giám đốc Trung tâm ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ của các phòng, đội và trạm cấp nước trực thuộc Trung tâm.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Giám đốc Sở giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Trung tâm gồm: Giám đốc và 10 Phó Giám đốc (Lộ trình đến năm 2030 thực hiện đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định).

a) Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Phó Giám đốc Trung tâm giúp Giám đốc Trung tâm theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, 01 Phó Giám đốc Trung tâm được Giám đốc Trung tâm ủy quyền thay Giám đốc Trung tâm điều hành hoạt động của Trung tâm.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và các chế độ chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám

độc Trung tâm, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo phân cấp quản lý của cơ quan cấp có thẩm quyền.

2. Các phòng, đội chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- b) Phòng Kế toán - Tài chính;
- c) Phòng Kế hoạch Kỹ thuật;
- d) Phòng Quản lý Khai thác;
- đ) Đội Thi công.

3. Các khu vực cấp nước thuộc trung tâm, gồm:

Khu vực cấp nước I, Khu vực cấp nước II, Khu vực cấp nước III.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và các chế độ chính sách đối với lãnh đạo các phòng, đội chuyên môn nghiệp vụ và khu vực cấp nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành theo phân cấp quản lý của cơ quan cấp trên.

Điều 4. Số lượng người làm việc

Số lượng người làm việc, chỉ tiêu hợp đồng lao động (nếu có) của Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trung tâm sau sắp xếp, tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bến Tre, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Trà Vinh và Trung tâm Nước sạch nông thôn tỉnh Vĩnh Long trước khi sắp xếp thực hiện. Trường hợp các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp thì Trung tâm sau sắp xếp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

2. Số lượng Phó Giám đốc Trung tâm và số lượng cấp phó của các phòng, đội chuyên môn và khu vực cấp nước thuộc Trung tâm sau khi hợp nhất 03 Trung tâm có thể cao hơn số lượng quy định tại Điều 3 Quyết định này. Trong thời gian 05 năm kể từ khi có Quyết định thành lập thì số lượng Phó Giám đốc Trung tâm, cấp phó các phòng, đội chuyên môn và khu vực cấp nước thuộc Trung tâm phải thực hiện theo đúng quy định.

3. Trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền về số lượng Phó Giám đốc Trung tâm, số lượng cấp phó của các phòng, đội và khu vực cấp nước thuộc Trung tâm khác với quy định tại Quyết định này thì áp dụng theo văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 13 tháng 8 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc thành lập Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bến Tre; Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Nước sạch nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 5 Điều 6;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Trung tâm thông tin điều hành (đăng công báo);
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lữ Quang Ngời